

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỠC HÀ NỘI
PHÒNG ĐBCL&KT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 1 năm 2026

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHẤM PHÚC KHẢO BÀI THI

Học phần: Vi sinh - Ký sinh trùng 1(DHA0320042) Khoa : K79

Học kỳ: 1 Năm học: 2025 - 2026

Ngày công bố điểm thi:

06-01-26

TT	Họ và tên	Mã SV/HV	Lớp/ Khóa	Số phách	Điểm thi trước phúc khảo		Điểm thi sau phúc khảo		Lý do chênh lệch điểm (nếu có)
					Bảng số	Bảng chữ	Bảng số	Bảng chữ	
1	Nguyễn Ngọc Khánh	2201406	N1K77	778	0	Không điểm	5.3	Năm phẩy ba	CBCT Vào sát điểm bài thi
2	Lê Vũ Ánh Dương	2401166	A1K79	612	5.5	Năm phẩy Năm	5.5	Năm phẩy Năm	
3	Nguyễn Thùy Dương	2401170	A1K79	616	4.5	Bốn phẩy Năm	4.5	Bốn phẩy Năm	
4	Đặng Thu Hương	2401281	A1K79	467	6.5	Sáu phẩy Năm	6.5	Sáu phẩy Năm	
5	Tạ Hiếu Ngân	2401503	A1K79	282	4.3	Bốn phẩy Ba	4.3	Bốn phẩy Ba	
6	Trần Phương Thảo	2401632	A1K79	162	5.8	Năm phẩy Tám	5.8	Năm phẩy Tám	
7	Vũ Thanh Thảo	2401635	A1K79	165	6.6	Sáu phẩy Sáu	6.6	Sáu phẩy Sáu	
8	Bùi Quỳnh Ngân	2401496	A2K79	275	1.3	Một phẩy Ba	1.3	Một phẩy Ba	
9	Vũ Ngọc Hà	2401206	A3K79	565	4.3	Bốn phẩy Ba	4.8	Bốn phẩy tám	Cộng nhầm điểm
10	Phạm Vũ Hoàng Minh	2401463	A3K79	325	6.9	Sáu phẩy Chín	6.9	Sáu phẩy Chín	
11	Phạm Đức Anh	2401059	A4K79	683	2.5	Hai phẩy Năm	2.5	Hai phẩy Năm	
12	Nguyễn Văn Biển	2401100	A4K79	635	6	Sáu điểm	6	Sáu điểm	

TT	Họ và tên	Mã SV/HV	Lớp/ Khóa	Số phách	Điểm thi trước phúc khảo		Điểm thi sau phúc khảo		Lý do chênh lệch điểm (nếu có)
					Bảng số	Bảng chữ	Bảng số	Bảng chữ	
13	Nguyễn Ngọc Diệp	2401134	A4K79	665	5.5	Năm phẩy Năm	5.5	Năm phẩy Năm	
14	Nguyễn Duy Trí Trung	2401716	A4K79	86	6.3	Sáu phẩy Ba	6.3	Sáu phẩy Ba	

GIÁO VỤ KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Trần Thu Hà

TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phùng Thanh Hương

TRƯỞNG PHÒNG ĐBCL&KT
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kiều Thị Hồng